

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 235

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 28.12.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống! Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 289, hàng thứ hai, bắt đầu xem từ câu “tứ vô ngại giả”.

“Tứ vô ngại, thứ nhất là pháp vô ngại, danh văn cú là giáo pháp năng thuyết, gọi là pháp. Thuyết là đầy đủ, là thiện, cũng là lời nói, đối với giáo pháp không có đình trệ, gọi là pháp vô ngại”.

Tứ vô ngại trí là phương pháp quan trọng mà chư Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Bốn loại này ở trước chúng ta đã học, nó cũng gọi là tứ vô ngại trí. Tóm lại mà nói, là lấy trí tuệ làm thể, lấy thiện xảo phương tiện làm tác dụng. Bốn loại này có thể có dụng, nó nghiêng nặng về tác dụng, cho nên nó còn gọi là tứ vô ngại giải, tứ vô ngại biện, biện tài.

Pháp, đầu tiên nói về danh, danh là danh tướng. Lão tử nói rất hay, chúng ta xem trong Đạo Đức Kinh, bài đầu tiên Lão tử nói: “Đạo khả đạo, phi thường đạo, danh khả danh, phi thường danh”. Ở đây nói đến danh chính là những gì Lão tử nói, vốn không có danh, danh đều là do con người kiến lập nên, vì thế danh đều gọi là giả danh, nhất định phải biết điều này. Anh tên là gì? Điều là giả danh, vì sao vậy? Vì anh thích thì anh sẽ đổi, nó không phải nhất định, không phải vĩnh hằng. Cho dù đời này, ví dụ đời này tôi xuất gia gọi là Tịnh Không, nhưng đời trước tôi không phải dùng tên này, đời sau cũng không biết đầu thai vào đường nào, cũng không phải tên gọi này. Bởi vậy tên gọi đều là giả danh, không cần để ý đến. Nếu chấp trước vào danh tướng, chết trong danh cú, như vậy đều là mê hoặc, đều là sai lầm. Đó không phải trí tuệ, mà là phiền não, vì thế danh cũng phải buông bỏ, gọi là danh văn lợi dưỡng. Quý vị thấy danh văn đặt ở trước, sau đó mới đến lợi dưỡng.

Do đây có thể biết, người thế gian, chúng sanh trong lục đạo đối với danh phận chấp trước rất nặng nề. Cho nên rất khó ra khỏi lục đạo, khó vô cùng! Khó ở đâu? Chúng ta quan sát tường tận, nghĩ đến vấn đề này sẽ hiểu, không khó lý giải. Ngôn ngữ không lìa khỏi danh tướng, nếu lìa khỏi danh từ thuật ngữ chúng ta đều không biết nói chuyện. Tôi nói con người, con người cũng là một danh từ, động vật cũng là một danh từ. Đức Phật dạy tất cả chúng sanh cũng phải thành lập rất nhiều danh tướng, là thuật ngữ chuyên môn trong Phật học. Trong Phật Học Đại Từ Điển đã khởi tác

dụng này, ta cần phải hiểu hàm nghĩa trong danh từ. Đây gọi là nghĩa lý, ở sau danh có ý nghĩa, hiểu được nó chính là trí tuệ, không hiểu sẽ tạo thành phiền não.

Thứ hai là cú, cú là ngôn ngữ. Nói chuyện có thể dùng những ngôn từ rất đơn giản, rất ngắn, có thể biểu đạt rõ ràng những gì ta muốn nói, ngôn ngữ này là ngôn ngữ hay. Viết chữ hay viết văn cũng đều như thế, từ xưa đến nay con người đối với ngôn ngữ văn tự yêu cầu bốn chữ, là “giản yếu tường minh”.

Tứ Thư từ sau khi Chu Hy biên tập hoàn thành, đến nay gần 1000 năm. Ông là người thời nhà Tống, Tống Nguyên Minh Thanh cho đến nay, hầu như đây là cuốn sách mà người Trung quốc phải học, ai ai cũng biết đến, bộ sách này biên tập rất hay. Sau khi học Phật tôi có một suy nghĩ, Chu phu tử biên tập cuốn sách này, rất có thể là chịu ảnh hưởng của Kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là một bộ kinh lớn, Chu phu tử từng học kinh Phật, mà trình độ khế nhập cũng khá thâm sâu. Kinh Hoa Nghiêm có lý luận viên mãn, có phương pháp thiện xảo, ở sau còn kèm theo biểu diễn, thể hiện ra cho chúng ta thấy, đó là hành chứng. Đại sư Thanh Lương phân bộ kinh này thành bốn phần, tín giải hành chứng, đây là một bộ triết học hoàn mỹ. Thầy Phương Đông Mỹ nói, trên toàn thế giới không tìm đâu ra bộ sách triết học nào hay như thế, ông nói nó là triết học đỉnh cao nhất trên toàn thế giới, triết học đứng hàng đầu, có đạo lý!

Tứ Thư rất giống, quý vị thấy Trung Dung là lý luận, Đại Học là phương pháp, giản yếu tường minh, Luận Ngữ, Mạnh Tử là biểu diễn. Luận Ngữ lấy Khổng tử làm tượng trưng, thánh nhân đã thực hành, thể hiện những gì trong Trung Dung và Đại Học nói, là cảnh giới của thánh nhân, Mạnh tử là cảnh giới của hiền nhân. Có lý luận, có phương pháp, có biểu diễn, rất giống với khuôn mẫu của Kinh Hoa Nghiêm. Đại Học và Trung Dung là lấy hai bài trong Lễ Ký, quả là tinh hoa của Lễ Ký, hai bài quan trọng nhất, đích thực cũng là triết học cao cấp. Mọi người đọc cuốn sách này, trong cuốn sách này, ở đây chúng ta nói về danh, cú, văn. Đơn giản biết bao, không có một chữ nào dư thừa. Nếu giảm bớt một chữ nó sẽ không viên mãn, còn như thêm vào một chữ sẽ thành ra rườm rà, thật sự đạt được không tăng không giảm, đây là bài văn hay. Ngôn ngữ đạt đến trình độ này là ngôn ngữ hay, là tiêu chuẩn của các bậc thánh hiền đặt ra, không hề có chút phiền phức nào. Nếu chư vị thật sự chuyên tâm học văn cổ sẽ biết, lời nói đơn giản ý nghĩa sâu sắc. Ngôn ngữ đơn giản, ý nghĩa rất viên mãn.

Người bây giờ thua xa người xưa, nói rất nhiều, viết rất nhiều, nhưng không biểu đạt được ý nghĩa. Văn bạch thoại hay, đầu năm dân quốc có, tôi từng đọc, đọc một cách rất hoan hỷ. Những tác giả này đều có nền tảng của văn học cổ, nghĩa là văn bạch thoại hay cần có căn bản văn cổ thật vững, như vậy mới viết văn bạch thoại hay!

Đây là trí tuệ, là phát minh của chư vị cổ đức, lưu lại cho hàng con cháu đời sau chúng ta. Là tài sản, phương pháp, kinh nghiệm của trí tuệ, còn có hiệu quả của các triều đại trong quá khứ, đều ở trong các điển tịch này. Không những là tinh hoa tài sản

phong phú vô hạn, mà tài sản tinh thần có thể mang đến cho chúng ta tài phú vật chất, có thể mang đến cho chúng ta cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Vậy mà thời đại chúng ta lại lơ là, không chỉ là thời đại chúng ta, mà đời trước lơ là, đời trước nữa cũng lơ là. Theo lời ông Tăng Quốc Phiên mà nói, chúng ta đã lơ là suốt 200 năm nay, 200 năm ít nhất có bảy tám đời. Vì thế hôm nay chúng ta phải sống cuộc đời đau khổ như thế này, luôn mê hoặc điên đảo, tạo nghiệp chịu những quả báo này. Đây là điều chư vị cổ đức không muốn nhìn thấy, họ hy vọng chúng ta ngày càng tốt đẹp hơn, ngày càng thù thắng hơn, có thể làm được chăng? Được. Tích lũy của trí tuệ, tích lũy của phương tiện thiện xảo, tích lũy của kinh nghiệm. Gọi là đứng lên trên đôi vai của tiền nhân, nhất định cao hơn họ.

Quý vị xem mũ mà ngày xưa người làm quan đội, qua phim ảnh quý vị có thể thấy được. Mũ này gọi là tấn hiên quan, như cầu thang vậy. Tầng ở trước này thấp, ở sau cao lên, tượng trưng điều gì? Ở trước là thời đại của mình, hy vọng đời sau vượt qua thời đại chúng ta, đời này qua đời khác không ngừng nâng cao, nâng cao mãi. Đây là kỳ vọng của tổ tông đối với con cháu đời sau. Kỳ vọng không phải chỉ có kỳ vọng mà thôi, mà họ có hành động, thật sự giúp chúng ta. Phát minh văn tự, văn tự là phù hiệu của trí tuệ. Phát minh văn cổ, văn cổ có thể siêu việt không gian, siêu việt thời gian, nó có năng lực này. Không bị hạn chế bởi thời gian và không gian, truyền nguyên chất nguyên vị từ đời này sang đời khác. Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc trên toàn thế giới đều không tìm thấy, chỉ có người xưa mới có công cụ này. Học không khó! Chúng ta chưa học, nhìn thấy hình như rất khó, thật ra nó rất dễ. Đầu năm dân quốc, những sách vở nhi đồng học, văn chương các bạn nhỏ biết. Trước đây tôi có cất giữ khoảng 11, 12 cuốn, là tập làm văn của học sinh tiểu học đầu năm dân quốc, toàn là văn cổ. Hiện nay sinh viên khoa văn trường đại học không những không viết được như thế, có thể có rất nhiều người đến xem cũng không hiểu. Đương thời các bạn nhỏ viết những bài văn này bao nhiêu tuổi? Dưới 12 tuổi. Tôi không tin người của thời đại chúng ta, thông minh và trí tuệ không bằng tiền nhân. Ta cảm thấy các bạn nhỏ hiện nay, thông minh hơn tiền nhân rất nhiều, vì sao về phương diện này không bằng tiền nhân? Vì không học, lơ là, không học tập, nếu học tập nhất định hơn hẳn cổ nhân. Học tập không có gì khó, từ nhỏ học thuộc lòng, học thuộc lòng rất có lợi. Mục tiêu đầu tiên khi học thuộc lòng là khiến các bạn nhỏ giữ tâm thanh tịnh, vì sao vậy? Vì các bạn nhỏ cũng thường suy nghĩ lung tung, làm sao khiến chúng đừng suy nghĩ lung tung? Bằng cách dạy học thuộc lòng, phương pháp này hay nhất. Mỗi ngày chúng phải học thuộc lòng, như vậy không còn suy nghĩ lung tung nữa, điều này cũng có thể giúp chúng. Đây là một phương pháp, học thuộc lòng là một phương pháp giống như tu định. Học thuộc lòng giống như giới luật, phương pháp, mục đích là khiến chúng được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí tuệ, tâm thanh tịnh khai mở đức hạnh trong tự tánh, đức hạnh trong tự tánh quan trọng nhất là hiếu kính. Pháp thế xuất thế gian, đều từ hiếu kính hiển lộ ra.

Đương thời Đức Phật Thích Ca Mâu ni dạy học, học sinh rất nhiều, họ đi khắp nơi truyền bá. Có những nơi một hai trăm năm là bị mai một, có một vài nơi năm sáu trăm năm, có vài nơi bảy tám trăm năm. Chỉ có nhánh truyền đến Trung quốc, đến nay đã hơn 2000 năm, chẳng những không suy yếu, mà trong hơn 2000 năm nay, chư vị đại đức cao tăng các thời đại_Cư sĩ thành tựu chúng ta gọi là cao sĩ, các bậc cao tăng, cao sĩ không đếm xuể.

Chúng ta muốn hỏi, vì sao có một vài nơi truyền được một hai năm thì không còn tồn tại nữa, bốn năm trăm năm thì diệt vong? Bao gồm đất nước bản địa như Ấn độ. Phật giáo bản địa Ấn độ, diệt vong đến nay ít nhất là 1000 năm. Tuy có rất nhiều nguyên nhân, nhưng chư vị cổ đức nói với chúng ta: “hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỹ”, câu này rất quan trọng. Nhân tố bên ngoài chỉ là thứ yếu, nhân tố chủ yếu là chính mình, rốt cuộc bản thân xảy ra khuyết điểm gì? Nói cho chư vị biết, là ở hai chữ hiếu kính này. Sự tận hiếu đối với cha mẹ đã suy thoái, đối với sự nghiệp học tập, đối với thầy giáo, niềm thành kính không còn như xưa, vấn đề liền xuất hiện. Hiếu kính có hình thức không có thực chất, dần dần ngày càng nhạt nhẽo.

Trong xã hội hiện nay, Phật pháp suy yếu, suy đến tận cùng, đương nhiên có liên quan đến hoàn cảnh bên ngoài. Xã hội bây giờ đều nói đến công lợi, không ai nhắc đến luân lý đạo đức, như vậy không suy thoái được chăng? Bản thân trong nhà Phật cũng không nói đến. Chúng ta chỉ nói 100 năm nay, nếp sống xã hội 100 năm nay quả thật là ngày càng đi xuống, nhưng trong nhà Phật vẫn còn giữ được một chút hình thức. Thực chất rất khó nói, nhưng vẫn giữ được hình thức, giữ gìn đến thời đại chúng ta vẫn còn hình thức này. Thời đại tiếp theo của chúng ta, về hình thức còn tệ hơn chúng ta. Thời đại sau nữa chỉ sợ đến hình thức cũng không còn, đây là nguy cơ! Phải biết rằng đối với việc hiếu kính, cha mẹ và thầy tổ là một điển hình, là tấm gương. Tận hiếu với cha mẹ, chí kính với sư trưởng, ý nghĩa thật sự là phải đem tâm hiếu kính cha mẹ_trong Bồ Tát Giới Kinh nói, hiếu kính tất cả chúng sanh, không phải chỉ có cha mẹ. Trong Giới Kinh nói, tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta, đó là hiếu của Bồ Tát. Cung kính đối với thầy tổ cũng như thế, chúng ta cung kính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cần phải ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày. Cung kính đối với tất cả người sự vật, không khác gì cung kính đối với Phật, làm như vậy Phật pháp mới có thể hưng thịnh. Không phải thầy tôi không liên quan đến tôi, tôi kính họ làm gì? Đó là sai lầm! Trong kinh điển đại thừa nói, tất cả chúng sanh vốn là Phật, chúng ta có cung kính Phật chăng? Tất cả chúng sanh vốn là Phật, đầu tiên bản thân ta là Phật. Bất hiếu cha mẹ là bất hiếu Phật của chính mình, bất hiếu với chúng sanh cũng là bất hiếu với Phật của chính mình, ta và người là một không phải hai. Trong pháp thế gian gọi đây là thánh học, trong Phật pháp gọi là minh tâm kiến tánh, lúc đó thái độ tự nhiên giống như trong kinh điển nói. Chúng ta lưu ý những điều trong kinh điển, lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, ngài dùng thái độ như thế nào để xử sự đối nhân tiếp vật.

Chúng ta đọc Luận Ngữ, đọc Mạnh Tử, quý vị thấy Khổng tử và Mạnh tử lúc còn tại thế, họ dùng thái độ như thế nào để xử sự đối nhân tiếp vật thì sẽ biết. Học Nho giáo, Khổng mạnh đích thực là tấm gương của chúng ta. Học Phật, Đức Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, 48 nguyện của Phật A Di Đà, Chư Phật Như Lai là tấm gương cho chúng ta. Chúng ta phải học đến mức độ giống như họ vậy, đây gọi là học Phật. Bất luận ở trong hoàn cảnh nào, dù hoàn cảnh không tốt đến đâu, nếu trong tâm vẫn còn oán, vẫn còn hận, như vậy là sai, ta hoàn toàn là phạm phu.

Đến Nho giáo còn nói: “quân tử ưu đạo bất ưu bần”, không sợ bần tiện. Bần là không có của cải, tiện là không có địa vị. Điều này không quan trọng, đừng quan tâm, vấn đề là ta có đạo đức chăng. Nghĩa là nói, có thực hành ngũ luân chăng? Có thực hành ngũ thường chăng? Có thực hành lễ nghĩa liêm sỉ chăng? Có làm được hiếu đễ trung tín, nhân ái hòa bình chăng? Nếu như làm được tất cả những điều này, coi như đã thành tựu, ta là thánh hiền quân tử. Tuy không có địa vị, không có của cải, quý vị xem Nhan Hối chính là điển hình, ông không có âu lo, từ sáng đến tối luôn an vui. Khổng tử có rất nhiều học trò, ông thường khen ngợi Nhan Hối, đây là một tấm gương tốt của quân tử, mô phạm tốt, đọc sách hiểu rõ lý lẽ. Chúng ta muốn hỏi, chúng ta lãnh hội và quan sát tường tận, cuộc đời của Nhan Hối có hạnh phúc chăng? Hạnh phúc, vì sao nói hạnh phúc? Vì ông rất an vui! Cuộc sống an vui chính là cuộc sống hạnh phúc, không có khi nào ông mặt nhăn mày nhí, hay có điều gì oán hận. Không có, xưa nay chưa từng có. Hỏi điều gì ông ta cũng hiểu hết, ông ta có trí tuệ, có đức hạnh.

Giàu nghèo hay phú quý trong Phật pháp nói, đó là mẫn nghiệp của con người. Phật pháp nói về nhân quả, trong đời quá khứ không tu tài bố thí, đời này điều kiện vật chất rất thiếu thốn. Nhan Hối không gặp được Phật pháp, lúc đó Phật pháp chưa truyền đến Trung quốc. Nếu ông có nhân duyên học Phật, Phật dạy ông tu tài bố thí sẽ được giàu có, cuộc sống vật chất không còn là vấn đề, có thể sống thật tốt.

Chúng ta may mắn hơn ông ta, khi tôi còn trẻ, cuộc sống cũng giống như Nhan Hối vậy, nhưng gặp được Phật pháp, thầy dạy tôi tu tài bố thí. Tôi nói đến việc ăn uống của tôi cũng đã trở thành vấn đề, làm gì có tiền để bố thí? Thầy rất nghiêm túc hỏi tôi, một hào có chăng? Tôi nói có, một hào thì được. Một đồng được chăng? Một đồng có thể miễn cưỡng, vậy con hãy bố thí từ một hào, một đồng đó, tôi thực hành đúng lời thầy dạy. Tôi thực hành được ba năm, quý vị thấy thời gian không dài, mới 1000 ngày hiệu quả đã xuất hiện, thu nhập nhiều hơn. Sau khi hiệu quả xuất hiện, chúng tôi càng bố thí càng nhiều, tuyệt đối không lưu lại cho riêng mình, nhưng càng thí càng nhiều. Tôi đem phương pháp này dạy lại cho rất nhiều người, họ thực hành theo phương pháp này, quả nhiên không tê, càng thí càng nhiều.

Hồ Tiểu Lâm mở công ty, học cách bố thí, ông nói với tôi tiền kiếm được hàng năm hầu như ra ngoài dự định, doanh thu mỗi năm mỗi cao, nhờ biết cách bố thí! Của cải từ đâu mà có? Nhờ bố thí mà có.

Ở Đại lục có một người tên là Tân Nhất Giai, chuyên kinh doanh siêu thị. Ông ta đến thăm tôi, tôi dạy ông phương pháp bố thí, hiện nay kinh doanh rất phát đạt. Ông nói với tôi, đúng vậy, càng thí càng nhiều. Siêu thị của ông bán rau quả, giá cả rau quả ông đưa ra hoàn toàn y theo giá gốc. Nghĩa là giá ông mua vào bao nhiêu, ông không lấy lợi nhuận ở đây, chỉ lấy lợi nhuận từ mức tiêu thụ, khách hàng đều đến siêu thị ông mua. Ông nói với tôi, lời Đức Phật nói quả thật không sai chút nào. Tôi nói, ông hãy duy trì phương pháp kinh doanh đó, tương lai tiền đồ vô hạn.

Người khác đều theo đuổi lợi nhuận cho riêng mình, ông ta theo đuổi điều gì? Lợi nhuận cho chúng sanh. Không nên chỉ cầu lợi nhuận cho riêng mình, hãy đem lợi nhuận đến cho tất cả chúng sanh. Đây gọi là học Phật chơn chánh, là người có trí tuệ, người có trí tuệ sẽ có đức hạnh. Đều có những người này làm gương cho chúng ta noi theo, khiến chúng ta sanh khởi tín tâm đối với Phật pháp, đối với thánh hiền. Bố thí pháp được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Cả ba thứ ta đều có thể đạt được, đến thọ mạng cũng kéo dài, không cầu, mà tự nhiên có được. Hiểu được đạo lý này, nếu ta làm trái với đạo lý này sẽ trở thành sai lầm nghiêm trọng. Chúng ta học Phật, học giáo lý, học thánh hiền, quan sát trên mọi phương diện, lãnh hội tường tận, quả thật rất lợi ích!

Do câu tổ hợp thành chính là văn, từng đoạn từng đoạn nghĩa là văn. Ta nhìn thấy trong Tứ Thư là chương cú, mỗi chương có mấy câu hoàn chỉnh. Có một số một câu hoàn chỉnh tức là một chương, có một số ba bốn câu, nhiều là mười mấy câu. Đây là loại đầu tiên trong tứ vô ngại biện.

“Giáo pháp năng thuyết gọi là pháp”, đây chính là danh, cú, văn, là hoàn toàn nói từ trên phương pháp dạy học. Thuyết nghĩa là gì? “Là đầy đủ, là thiện, cũng là lời nói”. Đối với giáo pháp không ngưng trệ, không có chướng ngại, gọi là pháp vô ngại. Khi ta dạy học, không bị chướng ngại về phương diện văn tự. Do đây có thể biết, văn tự là bài học quan trọng nhất của tiểu học. Tiểu học không cần giảng giải nghĩa lý, trước tiên là đặt nền tảng thật vững chắc. Ngày xưa dạy nhi đồng, nghĩa là dạy các em nhỏ, chú trọng vào thuộc lòng. Như vừa mới nói với quý vị, mục đích học thuộc lòng không phải ở ký ức, đó là phụ. Mục đích thật sự như Mạnh tử nói, đạo học vẫn không có gì khác, chỉ là cầu yên tâm mà thôi. Yên tâm nghĩa là sao? Trong kinh điển gọi là tam muội, mục đích là đây. Từ nhỏ đã đào tạo chúng, nhân giới sanh định, do định phát tuệ. Quý vị biết đây là trí tuệ dạy học, là dụng tâm dạy học của cổ nhân, làm sao để đào tạo một người thành thánh hiền, bồi dưỡng thành Phật Bồ Tát. Người Ấn độ gọi Phật Bồ Tát, chúng ta gọi thánh hiền. Vì người người đều là thánh hiền, người

người đều là Phật Bồ Tát. Nếu không đào tạo từ nhỏ, tâm các em nhỏ cũng bị tán loạn, cũng suy nghĩ lung tung. Bởi thế học thuộc lòng là một phương pháp, tác dụng phụ cũng rất hay, để chúng ghi nhớ những lời của thánh hiền, giúp chúng khai trí tuệ. Không cần giảng giải, chúng đọc nhiều trí tuệ tự nhiên khai phát. Cổ nhân từng nói, đọc sách ngàn lần, tự hiểu nghĩa của nó. Mỗi ngày chúng đều học thuộc lòng, một ngày đọc mười lần, mười ngày đọc 100 lần, trăm ngày 1000 biến. Đọc đến 1000 ngày, sao trí tuệ không khai phát được? 1000 ngày là ba năm. Điều này chứng minh, nền tảng giáo dục của cổ nhân rất hay! Chúng ta xem trong lịch sử, chế độ thi cử ngày xưa, chưa đến tuổi thành niên đã thi đậu cử nhân, thi đậu tiến sĩ, nghĩa là tham gia những cuộc thi cao cấp của quốc gia, không ít người, mười mấy tuổi. Thi đậu cử nhân là có tư cách làm huyện thị trưởng, tri huyện, tri phủ. Quý vị hỏi họ bao nhiêu tuổi? Họ chưa tròn 20 tuổi. Đường Thái Tông 16 tuổi làm tướng quân, 27 tuổi làm hoàng đế, trí tuệ của ông từ đâu mà có? Là đào tạo từ nhỏ.

Chúng ta tuyệt đối không được lơ là ba chữ giới định tuệ này, ba chữ này là báu. Vô thì kiếp đến nay, phàm phu tu thành Bồ Tát, tu thành Phật đều đi con đường này. Nếu hôm nay chúng ta nói, lìa xa giới định tuệ mà muốn thành tựu, không có đạo lý này. Nên nhớ, nền tảng của giới định tuệ chính là hiếu và kính, hiếu thuận, thành kính, là nền tảng lớn lao của tất cả pháp thế xuất thế gian. Nếu không có nền tảng này, cho dù bồi dưỡng như thế nào cũng đều rất khó thành tựu. Giống như một loại thực vật vậy, muốn chăm bón nhưng nó không có rễ. Cắm vào trong bình hoa, ngày ngày phải thay nước cho nó, nhưng cũng không lớn nổi, cũng không thể giữ được lâu dài. Đây chính là nói, chúng ta thấy vô số chúng sanh, vì sao suốt đời không thành tựu, rốt cuộc nguyên nhân do đâu? Nếu quan sát tường tận, vấn đề xảy ra do căn bản. Có hiếu có kính, ngũ luân mới hoàn bị, ngũ thường, tứ đức dần dần sanh trưởng. Những thứ này giống như cành lá vậy, nó tiếp tục sanh trưởng sẽ cho ra hoa quả. Hoa quả là gì? Là tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, đây là hoa quả. Hoa quả trong Phật pháp là phổ độ chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Đây là thành tựu trong Phật pháp, hoa quả trong Phật pháp.

Thứ hai là nghĩa vô ngại. “Biết nghĩa lý giáo pháp sở thuyên mà không ngưng trệ, gọi là nghĩa vô ngại”. Trong giáo pháp có danh, có cú, có văn. Chỉ đơn thuần chữ danh, nghĩa là văn tự, chúng ta nói một chữ, hàm nghĩa trong một chữ này. Trong kinh Đức Phật nói không phải giả, chúng ta biết những gì trong kinh Đức Phật nói, cũng biết truyền thống của chúng ta, điển tịch của các bậc thánh hiền không khác gì với kinh Phật, mỗi câu mỗi chữ bao hàm vô lượng nghĩa. Chúng ta có thể phát hiện chăng? Đây là thật u? Không phải giả.

Tôi giảng kinh dạy học suốt 53 năm, có rất nhiều kinh tôi giảng rất nhiều lần. Chẳng hạn như bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, tôi giảng lần này là lần thứ mười hay là

lần thứ 11. Những gì trước đây nói có lưu lại, có CD, có VCD. Chư vị nghe thử, nghe và so sánh từng lần sẽ biết, mỗi lần không giống nhau, mỗi lần không tương đồng!

Nếu hôm nay tôi giảng lại từ đầu, lại không giống như lần này. Lúc đó nói, những ý nghĩa lúc đó tôi hiểu được, hiểu không sâu, phạm vi không lớn. Những gì hôm nay hiểu được, ý nghĩa trong bộ kinh này không giống như trước, hiểu ra được độ sâu, độ rộng của nó, sâu rộng không có cảnh dừng. Cho nên bộ kinh này, quý vị đọc suốt đời càng đọc càng thấy thích, vì sao vậy? Vì mỗi lần đọc đều cảm nhận được ý hay mới mẻ. Vẫn là mấy chữ này, nhưng mỗi lần đọc đều phát hiện ra ý mới.

Nó khác với người bây giờ viết văn, quý vị xem báo và tạp chí, không xem ra được ý nghĩa của nó, xem xong lần một không muốn xem lần hai, vì sao vậy? Vì không thú vị. Vì sao cổ nhân có ý nghĩa thâm sâu như thế, mà người bây giờ không có? Khi viết chữ này, khi viết bài văn này, khi nói câu này, ý thức hình thái đó không giống nhau, nghĩa là tâm niệm của họ không giống nhau. Tâm thái không giống nhau, ý nghĩa bao hàm trong chữ mình viết ra sẽ không giống nhau. Lãnh hội được như thế ta sẽ hiểu sự khác nhau giữa thánh nhân và phàm phu, Phật Bồ Tát khác với người bình thường. Bản thân chúng ta cố gắng tu dưỡng, dần dần hiểu hết tất cả những ý nghĩa này. Đến khi nào mới hiểu được hoàn toàn? Minh tâm kiến tánh là thấu triệt tất cả, chưa minh tâm kiến tánh những gì ta hiểu được rất có giới hạn, rất cục bộ không phải viên mãn. Tất cả pháp không lìa tự tánh, nghĩa lý từng câu từng chữ vô cùng vô tận. Phật Bồ Tát thuyết pháp cho chúng ta, chú trọng về khế cơ và khế lý. Khế lý tức là nghĩa vô ngại, khế cơ là pháp vô ngại, phải thích hợp với trình độ chúng sanh hiện tại, dục vọng, tốt xấu, cho nên văn tự rất linh động, không phải cứng nhắc. Nói thật, những thứ này đều dẫn dắt chúng ta, dẫn dắt điều gì? Dẫn dắt trí tuệ trong tự tánh của chúng ta ra. Đây cũng chính là nói, tất cả kinh điển đều là Thế Tôn phương tiện thuyết, không phải chân thật thuyết. Chân thật là dẫn dắt tự tánh chúng ta ra, đó là chân thật. Chân thật là trí tuệ bát nhã vốn có trong tự tánh, là đức năng tài nghệ vốn có, đều không phải từ bên ngoài vào.

Nếu thấu triệt tất cả những điều này, hiểu rõ ràng minh bạch, ta đối với các bậc thánh hiền, đối với tất cả chúng sanh, tâm chân thành cung kính đó tự nhiên sanh khởi, không chút miễn cưỡng, nó tự nhiên sanh khởi. Đến lúc đó, điển tịch của thánh hiền, chỉ cần vừa tiếp xúc là hiểu ra được ý nghĩa của nó, là pháp vị. Chư vị tổ sư thường nói: “thế vị sao đậm bằng pháp vị”. Ngũ dục lục trần của thế gian, cõi trời cõi người, hương vị này thua xa so với pháp, pháp của thánh hiền, pháp của Phật Bồ Tát, vì thế ta sẽ vui vì điều này mà không hề thấy mệt mỏi. Những niềm vui của thế gian, hưởng thụ lâu ngày liền cảm thấy chán ghét, gọi là vui quá sanh bi ai. Niềm vui trong tự tánh vĩnh viễn không sanh bi ai, thường sanh tâm hoan hỷ, niềm vui này vô cùng. Không có cảnh dừng, không có biên tế. Vì sao vậy? Vì niềm vui của thánh hiền là tự tánh sinh ra, là tánh đức hiển lộ ra bên ngoài. Người thế gian, người thế gian mê, họ chưa

kiến tánh. Niềm vui của họ từ bát thức 51 tâm sở sanh ra, trong đó căn bản chính là phiền não, vì thế vui quá liền sanh bi ai. Trong niềm vui đó có rất nhiều tác dụng phụ, cho nên nó không có gì tốt đẹp cả, không như pháp thánh hiền thuần tịnh thuần thiện, đạo lý là như thế. Đây là chúng ta nói, nghĩa lý giáo pháp sở thuyết, cho nên pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ.

Pháp thế gian, Khổng tử còn nói: “Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Học nghĩa là giáo huấn của thánh nhân, thực hành và làm được tất cả những lời dạy của thánh nhân. Biến thành tư tưởng của riêng mình, biến thành ngôn ngữ của riêng mình, biến thành hành vi của riêng mình, an vui vô cùng.

Nhan Hồi biểu diễn cho chúng ta thấy, cuộc sống tinh thần của ông ta hoàn toàn không liên quan đến đời sống vật chất. Người bây giờ nói đến đời sống tinh thần, trên thực tế vẫn là cuộc sống vật chất, họ làm gì có đời sống tinh thần? Niềm vui thật sự đạt được từ tinh thần, cần phải buông bỏ vật chất, buông bỏ niềm vui của cuộc sống vật chất, mới đạt được niềm vui đời sống tinh thần thật sự. Vẫn mang theo vật chất là giả, không phải thật, vĩnh viễn không ném được mùi vị của thánh hiền. Như vậy Phật Bồ Tát càng không cần nói.

Thứ ba là từ vô ngại. “Đối với ngôn từ các địa phương đều thông đạt tự tại, gọi là từ vô ngại”. Phật Bồ Tát có, thánh hiền thế gian vẫn không được, nghĩa là nói không có chướng ngại về ngôn ngữ văn tự. Bất luận văn tự của quốc gia nào, không cần học cũng tự nhiên thông đạt. Bất luận loại ngôn ngữ nào, không học cũng hiểu. Như trong kinh Đức Phật nói, Phật dùng một âm mà thuyết pháp, tùy loại chúng sanh đều thấu hiểu, đây là từ vô ngại.

Chúng sanh có biết ý niệm của tất cả chúng sanh chăng? Biết, chúng ta hiện nay lãnh hội càng thấu suốt hơn so với người xưa. Tiên sĩ Giang Bồn Thắng dùng nước làm thí nghiệm, nước biết nhìn, biết nghe, biết xem các loại văn tự. Viết mười mấy loại văn tự khác nhau, nhưng đều viết một chữ yêu. Các loại chữ khác nhau nhưng nước đều nhận được tin tức, hiện ra sắc tướng rất đẹp. Còn viết cho nó một chữ ác, nó hiển thị ra đồ án xấu xa vô cùng. Tôi nghe nói mấy ngày này Giang Bồn Thắng đang ở Quảng Châu, ông làm thí nghiệm đã mấy mươi năm. Nước biết và hiểu được ý người, con người khởi tâm động niệm nó đều biết, như vậy sao Phật Bồ Tát không biết được? Thánh hiền thế gian cũng biết, nhưng không rõ ràng như Phật Bồ Tát, vì sao vậy? Thánh hiền thế gian thanh tâm quả dục, dục vọng ít, nhưng vẫn còn, không phải không có. Phiền não nhẹ, không phải không có phiền não. Thánh nhân xuất thế gian, pháp thân Bồ Tát đã đoạn tận phiền não, không còn nữa, dục vọng không còn. A la hán không còn dục vọng, pháp thân Bồ Tát không còn phiền não, không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Nước không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, cho nên nó rất lợi hại biết hết tất cả,

không che giấu được nó. Quý vị khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm có dao động, tin tức phát ra bên ngoài, nó nhận được.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, khẳng định đạo lý này, thiên tai trên địa cầu có đáng sợ chăng? Không sợ, chúng ta biết thiên tai từ đâu mà có? Chính là tâm niệm của người sống trên địa cầu không tốt, những gì phát ra đều bất thiện. Khi nó tiếp thu được nó cũng sanh phiền não, phản ứng của nó không tốt. Hoàn cảnh cư trú của chúng ta tốt hay không, là do tịnh niệm và thiện ác trong tự tâm ý niệm của chúng ta biến hiện ra. Đến các nhà khoa học đều nói với chúng ta phương pháp làm thế nào để ứng phó thiên tai năm 2012? Bỏ ác dương thiện, trong Phật pháp gọi là đoạn ác tu thiện. Tiêu chuẩn của thiện ác là Thập Thiện Nghiệp, là Đệ Tử Quy, là Cảm Ứng Thiên, ta dùng tiêu chuẩn này để ngày ngày phản tỉnh lại mình. Nếu là bất thiện chúng ta đều buông bỏ hết, xa lìa tất cả. Còn như thiện thì chúng ta cố gắng thực hành, phát triển rộng rãi, gọi là bỏ ác dương thiện. Bản thân làm vẫn chưa đủ, phải phát triển rộng rãi, phải giúp đỡ người khác, phải ảnh hưởng đến xã hội, khiến trong xã hội người thiện ngày càng nhiều, địa cầu chúng ta ngày càng tốt đẹp hơn. Đây là chân lý, là thật không phải giả. Hiện nay khoa học đã chứng minh, chúng ta tin vào khoa học. Các nhà khoa học đưa ra kết luận, báo cáo nghiên cứu giống như trong Phật pháp nói, chúng ta phải tin tưởng.

Cải tà quy chánh, tà là gì? Là tự tư tự lợi, đây là gốc của tà ác, rễ của tà ác. Như thế nào là chánh? Như thế nào là thiện? Chúng ta vừa mới nói, hiếu kính là gốc của thiện. Phải từ bỏ điều bất thiện, nỗ lực học tập điều thiện, hiếu thuận cha mẹ là bắt đầu từ đây, hiếu thuận gia thân quyến thuộc. Cổ nhân nói rất hay, cổ nhân rất có trí tuệ, chồng đối với vợ, quý vị có thể không kính họ chăng? Vì sao phải kính vợ? Vì họ dưỡng dục đời sau của gia đình quý vị, công việc này rất lớn lao. Gia đình quý vị được truyền từ đời này qua đời khác là nhờ ai? Nhờ vợ, có thể không kính được chăng? Đối với trẻ em quý vị có thể không kính ư? Họ là người nối dõi tông đường của quý vị, vì thế phải kính chúng. Có thể không kính thân thể chính mình ư? Thân thể này, đồng nghĩa nói cha mẹ là gốc cây, thân thể của mình là cành lá. Tất cả đều đến từ kính cha mẹ, kính tổ tông!

Hiểu rõ đạo lý này, giữa người và người có năm mối liên quan, gọi là ngũ luân. Ngũ luân là một đoàn thể, ngũ luân là một nhà, người một gia đình. Cha con, vợ chồng, anh em, vua tôi, bạn bè, ngũ luân là người một nhà. Danh từ đoàn kết này ngày xưa không có, là từ bên ngoài truyền vào. Người xưa đều là người một nhà, họ vốn là đoàn kết tự nhiên, đoàn kết trong ngũ luân là quy luật đại tự nhiên.

Bây giờ người học Phật đã biết, Phật pháp là toàn thể vũ trụ, là nhất thể, như vậy là nói phạm vi càng lớn. Lão tử nói tương ưng với điều này, thiên địa cùng gốc rễ với tôi, vạn vật với tôi là nhất thể. Hiện nay các nhà lượng tử lực học cũng nói như thế,

hoàn toàn không sai. Tất cả chúng sanh với ta là nhất thể, sao ta có thể bất hiểu? Sao có thể bất kính được? Thật sự hiểu được hai chữ này, hai chữ này là nền tảng, nền tảng chủ yếu là hiểu, kính là từ hiểu sinh ra, nền tảng thứ hai. Ngũ luân từ đây sanh ra, ngũ thường cũng phát sinh từ đây. Cho nên ngũ luân đều là hiểu, đều là hiểu kính, ngũ thường cũng là hiểu kính, tứ duy bát đức vẫn là hiểu kính. Tám vạn bốn ngàn tế hạnh của Bồ Tát là hiểu kính, 3000 oai nghi của Thanh văn đều là hiểu kính. Làm đến trình độ nhất định, chính là một cảnh giới, cảnh giới tự nhiên. Cảnh giới này là gì? Thanh tịnh của chân tâm.

Trên đề kinh này nói ra ba tiêu chuẩn, là thanh tịnh, bình đẳng, giác, đến thanh tịnh liền có cảm ứng. Giống như nước vậy, nó liền có cảm ứng. Tất cả chúng sanh khởi tâm động niệm, sự giao động này ta hoàn toàn tiếp nhận được. Bình đẳng là thiên định càng thâm sâu, đại triệt đại ngộ là thiên định viên mãn, vì thế có thể đạt được từ vô ngại. Từ vô ngại cạn nhất là A la hán, dưới A la hán cũng có.

Ở trước chúng ta đã học sáu loại thần thông, tha tâm thông trong lục thông chính là từ vô ngại. Người có tha tâm thông, họ biết khởi tâm động niệm trong tâm người khác, giống như nước vậy.

Tha tâm thông ở trình độ nào? Nhị quả, nhị quả của tiểu thừa. Sơ quả tiểu thừa có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông. Nhị quả có tha tâm thông, có túc mạng thông, biết được sự việc trong nhiều đời kiếp quá khứ của mình, là túc mạng thông. Có tha tâm thông, họ biết được khởi tâm động niệm trong tâm người khác. Tam quả có thần túc thông, có thể biến hóa. Thánh nhân tam quả du hành không cần phương tiện giao thông, họ muốn đến đâu thì lập tức đã đến đó, đây gọi là thần túc. Phi hành là sao, đó là biểu diễn, là biến ảo thuật cho ta thấy, hoàn toàn không phải thật. Thật rất lợi hại, thật sự khi họ muốn đến đó, thì người họ đã đến nơi. Họ có năng lực này, có thể phân thân, có thể biến hóa. A la hán có lậu tận thông, đến đây là viên mãn, đầy đủ sáu loại thần thông.

Từ đây chúng ta thấy, đạt được nhị quả tứ đà hàm là đạt được từ vô ngại. Không viên mãn như Phật Bồ Tát, nhưng họ đã đạt được từ vô ngại. Không cần học, bất luận ngôn ngữ như thế nào, bất kỳ là ai, cho đến súc sanh khởi tâm động niệm, ngạ quỷ khởi tâm động niệm, trời người khởi tâm động niệm, họ đều biết, đây thuộc về từ vô ngại.

Sau cùng là “nhạo thuyết vô ngại”. Chữ này đọc thanh thứ tư, đọc “nhạo”, là yêu thích, nếu đọc lạc là vui thích. Đây là chữ phá âm, ở đây đọc là “nhạo”. Nhạo thuyết tự tại là thích nói, nếu không thích nói, họ chỉ tự lợi chứ không độ tha. Bởi vậy Bồ Tát nhất định phải có nhạo thuyết vô ngại.

“Ba loại trí ở trên vì chúng sanh nhạo thuyết tự tại”, chính là pháp, nghĩa, từ. Phải giúp chúng sanh, hoan hỷ tiếp xúc với chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Đặc biệt là Tịnh độ, phải giúp tất cả chúng sanh hiểu biết về Tịnh độ, vì sao vậy? Vì Tịnh tông có thể thành tựu trong một đời, các tông phái khác không thể thành tựu trong một đời, đây là thật. Vì sao vậy? Quý vị thử nghĩ xem, các tông phái khác phải đoạn phiền não, không đốn nghiệp vãng sanh, không đốn nghiệp chứng quả. Tịnh tông đốn nghiệp vãng sanh, vãng sanh thành Phật. Vì sao các bậc cổ đức xưa nay, tông Hoa Nghiêm học Hoa Nghiêm, tu pháp giới định không tu thành công, chuyển qua niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc. Họ có sai lầm chăng? Không sai, vì sao vậy? Vì sau cùng Kinh Hoa Nghiêm, thập đại nguyện vương quy về Cực Lạc, nghĩa là nói nếu pháp môn đó tu không thành công thì lập tức thay đổi, đến thế giới Cực Lạc.

Tu Thiên Thai, đại sư Trí Giả là điển hình của chúng ta, ngài chuyên môn đề xướng Pháp Hoa, nhưng sau cùng ngài niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Ngài dùng Thập Lục Quán, quán tưởng niệm Phật vãng sanh. Tu Mật lại càng không cần nói, quý vị thấy thời cận đại có bao nhiêu thượng sư Mật tông, khi lâm chung đều niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Tịnh tông là nơi trở về cuối cùng của tất cả các Tông phái, Hoa Nghiêm quy Tịnh độ. Tất cả pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, sau cùng trở về Hoa Nghiêm. Thành tựu, tu thành đều đến thế giới Hoa Tạng, không dễ! Đến thế giới Hoa Tạng phải đạt được trình độ nào? Chúng ta thường nói không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, như vậy mới có năng lực đến thế giới Hoa Tạng. Có thể đạt được chăng? Không làm được, không làm được thì đốn nghiệp, ta cầu sanh Tịnh độ. Trên thực tế, sanh đến thế giới Hoa Tạng_ quý vị thấy trong Kinh Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền dẫn dắt 41 vị pháp thân đại sĩ, từ sơ trụ đến Đẳng giác, đều đến thế giới Cực Lạc học tập theo Phật A Di Đà. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói như thế, nhờ vậy chúng ta mới biết sự thù thắng của Tịnh độ.

Có rất nhiều người bắt măn tôi, hình như tôi chỉ đề xướng Tịnh độ, không nói các pháp môn khác. Tôi nói với quý vị, trước đây tôi từng giảng về Thiên tông, từng giảng Lục Tổ Đàn Kinh, giảng Tín Tâm Minh của Tam tổ, giảng Chứng Đạo Ca của đại sư Vĩnh Gia, Vĩnh Gia Đại Sư Thiên Tông Tập, tôi cũng từng giảng khẩu đầu thiền. Tôi đã giảng đại ý Kinh Pháp Hoa, Duy thức và Pháp tướng tôi giảng càng nhiều. Nghĩa lý các Tông phái tôi đều giảng. Vì sao bây giờ không giảng? Bây giờ đã già, cầu sanh Tịnh độ mới quan trọng.

Tôi khuyến khích tám tông phái, tám tông phái đại thừa, hai tông phái tiểu thừa, tốt nhất đều phục hưng lại tất cả. Nhưng một người chỉ chuyên tâm vào một loại, đừng tham cứu quá nhiều, trừ phi ta là Bồ tát tái sanh. Nếu không phải Bồ tát tái sanh, không thể có năng lực này. Như Bồ tát Long Thọ, ngài là Tổ của cả tám tông, như vậy thì được, tám tông phái đại thừa đều tôn ngài làm tổ sư. Ngài là sơ địa Bồ Tát, chúng

ta là phạm phu. Nếu như muốn trách cứ tôi, chi bằng tôi khuyên quý vị phát tâm, nếu như thích thiền thì quý vị đứng ra hoằng dương thiền, phát triển thiền mạnh mẽ. Còn như thích Mật tông, thì cố gắng làm cho Mật tông hưng thịnh. Thầy tôi là Mật tông, là đại lạt ma, con đường tôi đang đi là chính ngài dạy, đúng là một vị thiện tri thức. Chúng ta có tâm hy vọng, Phật giáo lại được chấn hưng như thời đại Tùy Đường vậy. Quý vị xem chư vị tổ sư của tám tông phái, tuy chúng ta không thấy được họ nhưng đọc được trước tác của họ. Họ không phải phạm phu, đều là thừa nguyện tái sanh.

Chúng ta hiểu được phương pháp, trước tiên phải đặt nền tảng từ đức hạnh. Người xuất gia phải đặt vững bốn nền tảng, người tại gia cũng phải đặt bốn nền tảng, Sa Di Luật Nghi Phật tử tại gia cũng có thể học. Trong giới luật chỉ có giới tỳ kheo và tỳ kheo ni, Phật tử tại gia không được học. Giới Sa Di, và giới Bồ Tát người tại gia đều học được. Nguyên nhân không được học không phải có gì bí mật, chư vị phải biết rằng trong Phật pháp không có bí mật nào cả, bí mật là vấn đề không thể nói cho người khác biết. Vậy tại sao Phật cấm người tu tại gia không được xem giới tỳ kheo và giới tỳ kheo ni? Đây là Phật tử bi vô lượng. Vì ta không xem sẽ không biết người xuất gia phạm giới, nên đối với họ rất cung kính, như vậy là có phước. Sau khi xem xong, thấy người xuất gia đó phạm giới luật này, phạm giới luật kia. Như vậy là tạo nghiệp, tương lai chắc chắn đọa vào ba đường ác. Vấn đề là như vậy, không có gì thần bí cả, là Phật tử bi, ta hà tất đi xem lỗi lầm của người khác? Giới luật giống như thước đo vậy, nếu xem nó ta sẽ so sánh cái này, đo lường cái kia. Họ đo lường tất cả mọi người, nhưng không tự đo lường bản thân, xét nét tất cả mọi người, quả là phiền phức. Ta phải hiểu ý nghĩa Đức Phật dạy, như vậy mới biết cảm ân.

Hôm nay chúng ta học Đệ Tử Quy, học Cảm Ứng Thiên, học Thập Thiện Nghiệp, học Sa Di Luật Nghi, phải biết tự hạn chế mình đừng yêu cầu người khác, nếu yêu cầu người khác là sai. Giới luật không phải để yêu cầu người khác, hoàn toàn là tự mình tu hành, phải biết điều này, nếu không ta dùng tâm sai. Không học Phật còn không đọa địa ngục, sau khi học Phật rồi cuộc lại vào trong địa ngục, như vậy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phải rơi nước mắt. Ngài không sai, là do ta dùng tâm sai, ta học sai. Chúng ta hiểu đạo lý này, đối với hết thảy mọi người, dù họ làm chuyện sai trái đến đâu, chúng ta đừng để trong lòng, vẫn cung kính họ, như vậy là đúng. Chúng ta lễ kính Chư Phật, tất cả chúng sanh đều là Chư Phật. Giống như Bồ Tát Phổ Hiền vậy, tu lễ kính, tu xưng tán, tu cúng dường, tu sám hối, như vậy mới hay.

Bên dưới nói tiếp. “Lại gọi là biện vô ngại, khế với chân lý, khởi ngôn thuyết vô ngại, gọi là biện vô ngại”. Chân lý là gì? Chính là chân tướng sự thật, trong kinh điển gọi là thật tướng các pháp, chân tướng của tất cả pháp, ta hoàn toàn thấu triệt thông đạt. Lời nói của ta không trái với chân tướng sự thật, đây gọi là chân lý. Trái với chân lý gọi là tà lý, lý lệch lạc.

Tiêu chuẩn của chánh, nói một cách đơn giản nhất, nói một cách cụ thể nhất, đối với các bậc cổ thánh tiên hiền chính là ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Trong Phật pháp chính là tam học giới định tuệ. Đồng học Tịnh tông chúng ta, ngoài tam học này ra, chúng ta còn đặt ra năm khoa mục. Tam Phước đặt lên hàng đầu, nó là nguyên tắc chỉ đạo tu học cao nhất, được đặt lên hàng đầu. Thứ hai là Lục Hòa, giao tiếp giữa người và người, nếu bất hòa trật tự sẽ loạn, đó là hủy mình hủy người. Muốn làm cho Phật pháp hưng thịnh, lục hòa kính rất quan trọng. Tăng đoàn, vì sao gọi là chúng trung tôn? Chúng trong Phật pháp gọi là đoàn thể, đoàn thể tăng là tôn quý nhất, đáng được xưng tán nhất trong tất cả đoàn thể cõi trời cõi người. Nguyên nhân là gì? Vì nó lục hòa, hòa là quý, ngày nay gọi là hòa thuận, họ thật sự có thể làm được, thật sự có thể thực hành. Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu. Giới là giữ quy củ, thân đồng trú, khẩu vô tranh, ý đồng duyệt, ở sau là lợi đồng quân. Họ thật sự làm được, tâm địa quả thật là thanh tịnh vô nhiễm, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm, giác mà không mê, vì thế họ đáng được người tôn kính. Nhưng tăng đoàn này, khi Phật tại thế có. Trong hơn 2000 năm này, Phật giáo truyền đến Trung quốc. Trước khi Phật giáo truyền đến Trung quốc, ở Ấn độ có 1000 năm. Trong 3000 năm này, đích thực có tăng đoàn lục hòa xuất hiện, xã hội an định, thế giới thái bình, Chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ. Tăng đoàn không còn, cùng sống với nhau trong một đạo tràng, nhưng chí hướng mỗi người khác nhau, không cùng một phương hướng, nghĩa là kiến hòa đồng giải không còn. Không giữ quy củ nghiêm khắc, giới hòa đồng tu cũng phá bỏ, tam nghiệp thân khẩu ý không thể tránh khỏi tạo nghiệp, tranh danh đoạt lợi. Đánh mất đạo tâm, đương nhiên không thể nói đến chuyện tu hành. Bởi vậy Tam Phước và Lục Hòa là nền tảng của tăng đoàn, có nền tảng này mới có thể nói đến tu hành, nói đến công đức, sau đó chúng ta mới nói tam học lục độ. Tam học là giới định tuệ. Lục độ là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã. Sau cùng là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương. Năm khoa mục này rất dễ nhớ, nếu không nhớ tức là không làm được. Còn như có thể ghi nhớ, thường lấy nó để phản tỉnh, kiểm điểm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của mình. Tương ứng với điều này là đúng, nghĩa là ta không phạm sai lầm. Còn như trái với điều này, phải thay đổi ngay lập tức. Phải biết rằng tu hành là vì mình, không phải vì người khác, cũng không phải vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hoàn toàn là vì mình, mình có muốn tiếp tục trôi lăn trong luân hồi hay không. Nếu quả thật không muốn tiếp tục lăn ngụp trong luân hồi nữa, như vậy phải cố gắng tu. Thời kỳ mạt pháp, muốn vượt thoát luân hồi chỉ có một con đường, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, ngoài ra các pháp môn khác đều phải đoạn phiền não. Quý vị thử xem, tam giới 88 phẩm kiến hoặc ta có thể đoạn được chăng? Đây không phải nói gì khác, điều thứ nhất của kiến hoặc chính là thân kiến, ngày nay chúng ta gọi là tự tư tự lợi. Chỉ có trong kinh Phật nói với chúng ta, đặc biệt nhấn mạnh vô ngã, sai lầm thứ nhất tức chấp trước thân này là ta, phải buông bỏ nó, thân không phải ta. Thân là gì? Thân là ta sở hữu, như áo quần vậy, áo quần không phải là ta, là ta sở hữu. Ta phải khẳng định, phải nhận thức rõ ràng quan niệm này, cho nên bỏ thân này rất dễ

dàng, giống như bỏ áo quần vậy, nếu anh cần, tôi cởi ra tặng anh. Cái tôi vĩnh viễn không chết, thân có chết, giống như áo quần vậy, cũ thì thay. Tôi sẽ thay, thay cái mới. Người thế gian nói linh hồn không chết, đó là thật, nó đầu thai vào trong lục đạo, vứt bỏ thân này. 49 ngày, nó lại đi tìm một thân thể khác.

Linh hồn, thực tế nó không linh, nếu nó linh chắc chắn không đọa vào ba đường ác. Đầu thai vào cõi người, nhất định không đầu thai vào gia đình nghèo khó, vì nó linh nên có thể chọn lựa. Cho nên linh hồn là cách xưng hô tôn kính, trên thực tế nó không linh. Khổng tử nói rất hay, ông gọi nó là du hồn. Trong Phật pháp gọi là mê hồn, nó mê mà không giác, cho nên gọi nó như một loại hồn quỷ. Nếu nó giác ngộ, giác ngộ không gọi linh hồn, Phật pháp gọi là linh tánh. Họ có sự lựa chọn, có thể làm chủ được chính mình, không bị nghiệp lực dẫn dắt, họ là linh tánh. Ai có thể gọi là linh tánh? Tu đã hoàn trở lên được linh tánh, họ không còn trôi lăn trong luân hồi. Công phu Tu đã hoàn vẫn chưa đủ, còn phải chịu bảy lần sanh tử ở cõi trời và cõi người mới có thể vượt thoát lục đạo, nhưng họ tuyệt đối không đọa vào ba đường ác. Vì sao không đọa ba đường ác? Vì phiền não nhẹ, không nghiêm trọng như chúng ta, phiền não nhẹ. Chúng ta biết nghiệp nhân của ba đường ác là tham sân si, tham tâm là đường ngã quỷ, sân nhuế là đường địa ngục, ngu si là đường súc sanh. Từ đó trở đi, vì sao? Vì họ đã đoạn năm loại kiến hoặc, không còn chấp trước thân này, đã phá được thân kiến, phá biên kiến, phá biên kiến nghĩa là không có khái niệm đối lập, không đối lập với tất cả người sự vật. Đối lập là tất cả mọi phiền não khởi hiện hành, một nhân tố quan trọng nhất. Cái tôi không còn, đương nhiên không có đối lập, có cái tôi là có đối lập. Quý vị xem tiểu thừa sơ quả, rất khó chứng được.

Lại nói, thành kiến không còn, thành kiến là tư tưởng tôi như thế nào, cách nghĩ của tôi như thế nào, cách làm của tôi ra sao, không có, cái tôi không còn. Vì thế họ có thể hằng thuận chúng sanh, nghĩa là nói họ đối với tất cả người sự vật, không có ý niệm khống chế, không có ý niệm chiếm hữu. Lục đạo chúng sanh đều có tập khí này, có hành vi này. Trong vô thức thường thích khống chế, thích chiếm hữu, đây đều là tạo nghiệp, tạo luân hồi lục đạo, rất phiền phức! Quý vị xem, khó khăn biết bao!

Chúng ta không đoạn được những phiền não này phải làm sao? Cố gắng niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, đây gọi là đời nghiệp vãng sanh, chưa đoạn những tập khí này thì mang theo. Chúng ta phải hiểu về đời nghiệp, các bậc tổ sư nói rất hay, đời nghiệp quá khứ không đời nghiệp hiện tiền. Hay nói cách khác, ta không học Phật, không biết vấn đề này, những nghiệp tạo trước đây bỏ qua không truy cứu, nghiệp này có thể mang theo. Sau khi hiểu rõ vẫn còn tạo, Phật không tha thứ điều này. Nhưng Phật A Di Đà rất từ bi, hôm qua tạo nghiệp hôm nay sám hối đều được, hôm nay đều có thể vãng sanh, từ bi đến tột cùng! Tuy nhiên ta phải chân thành sám hối. Một ngày trước lúc lâm chung ta tạo nghiệp, khi lâm mạng chung sám hối đều có thể vãng sanh. Nghe được lời này quý vị cũng đừng vội vui mừng, cho rằng không sao, tôi ngày ngày tạo

nghiệp, đến khi lâm mạng chung sẽ sám hối, có thể vãng sanh, trong kinh nói như thế. Theo lý mà nói thì không sai, quan trọng là khi lâm mạng chung ta có biết sám hối hay không? Ta có nắm chắc hay không? Khi sám hối đầu óc ta rất tỉnh táo, còn nếu khi ta về già mắc phải bệnh đãng trí thì phải làm sao? Như vậy coi như xong rồi.

Con người không được có tâm cầu may, người thế gian đều đi vào kẽ hở của pháp luật, quý vị cũng muốn luồn kẽ hở của 48 nguyện Phật A Di Đà, như vậy được ư? Ý niệm này quyết định ta không thể vãng sanh, vì thế không được có ý niệm này. Có ý niệm này là đại bất kính với chính mình, đại bất kính đối với Phật A Di Đà, đại bất kính đối với Kinh Vô Lượng Thọ, hạng người này sao có thể vãng sanh? Đây là điều cần phải biết, tuyệt đối không được coi thường.

Người thật sự niệm Phật cầu vãng sanh, phải giống như tổ sư Ấn Quang vậy, mỗi niệm đều cầu vãng sanh, mỗi ngày đều cầu vãng sanh. Cầu vãng sanh, mọi thứ ở thế gian đều buông bỏ hết, không có thứ gì mang theo được. Ta cầu mỗi ngày, đến khi lâm mạng chung Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn. Ta cầu được, Phật đã đến, như vậy là đúng. Mỗi niệm cầu, ngày ngày cầu, đừng để những gì thuộc thế gian này vào trong tâm. Có cũng tốt, không có cũng rất tốt, hoàn toàn không có gì chướng ngại.

Thực tế mà nói, lúc Nhan Hồi còn sống, đến vấn đề ăn mặc đều thành vấn đề, sống trong ngôi nhà rách nát, vì sao mỗi ngày ông hoan hỷ an vui như thế? Vì ông đã nhìn thấu suốt, tất cả đều là vật ngoài thân. Thân thể mạnh khỏe, niệm Phật nhiều hơn, thân thể không được khỏe, cố gắng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, như vậy an vui biết bao. Chẳng hề âu lo, cũng không hề vương bận, đây gọi là người niệm Phật, người như vậy sao có thể không vãng sanh? Phải hiểu chân lý của Phật, tâm phải chánh, nhất định phải đoạn chánh.

Câu ở sau nói với chúng ta, “nhân dân nước này”, thế giới Cực Lạc, nước này là thế giới Cực Lạc. “Do thành tựu tất cả trí tuệ, cho nên được vô biên biện tài. Lấy tứ vô ngại biện, hoàng dương diễn thuyết pháp yếu”. Đây là nói với chúng ta, thế giới tây phương Cực Lạc, thành tựu vô cùng thù thắng là gì? Sanh đến thế giới Cực Lạc, ta đầy đủ bốn loại vô ngại biện tài này. Thế giới này quả thật thù thắng, đến thế giới tây phương Cực Lạc ta được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, không có gì khác với A Duy Việt Trí Bồ Tát. Nhưng phải biết rằng, đây không phải tự mình tu được, là nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà gia trì, ta mới hưởng thụ lợi ích thù thắng này. Được lợi ích này ta có năng lực lên thuyền từ đi khắp mười phương thế giới, đến lúc đó ta không còn thấy địa cầu mà mình đã ở. Rất nhiều tinh cầu ta đều từng ở qua, ta biết hết tất cả, người có duyên với mình không biết có bao nhiêu mà kể. Không phải chỉ tinh cầu này có duyên với mình, người của rất nhiều tinh cầu khác đều có duyên với mình, ta đều biết hết. Họ có cảm, ta đều có ứng. Ta có năng lực như Chư Phật Bồ Tát vậy, thừa nguyện tái sanh. Chúng sanh có cảm ta có ứng, ứng là thừa nguyện tái sanh.

Nguyện gì? Là chúng sanh vô biên thế nguyện độ, ta từng phát nguyện này. Bất luận là có ý hay vô ý, đến lúc này tất cả đều phải thực hiện. Đáng dùng thân gì để độ thoát, ta liền hiện thân đó, quả là không thể nghĩ bàn! Có thể hiện thân Phật chăng? Đương nhiên được, như 32 ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm vậy. Đáng dùng thân Phật để độ liền hiện thân Phật, đáng dùng thân Bồ Tát để độ liền hiện thân Bồ Tát, tất cả thân đều có thể hiện.

Nếu chúng ta thật sự hiểu, nhận thức sự trang nghiêm thù thắng của thế giới Cực Lạc, sao có thể không đi? Huống gì đến thế giới Cực Lạc, vô lượng vô biên pháp môn ta đều đạt được, một kinh thông tất cả kinh thông. Không những tất cả kinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm ta đều thông, mà vô lượng vô biên hằng hà sa số kinh điển của tất cả chư Phật trong ba đời mười phương nói ta đều thấu triệt. Có cần đến nơi này chăng? Có đáng để đến đó chăng? Cần đi đường vòng nữa không? Tám vạn bốn ngàn pháp môn, khó! Đức Phật gọi đây là đường khó đi, pháp môn này gọi là đường dễ đi. Khi đã đạt được đường dễ đi, đường khó đi hoàn toàn biến thành đường dễ đi, ta đạt được tất cả. Không phải nói ta đạt được pháp môn này, các pháp môn khác không đạt được, như vậy ta cần phải suy nghĩ lại. Đạt được điều này, tất cả đều đạt được, như vậy không cần phải suy nghĩ gì cả. Đây là chân lý, không phải là lý lệch lạc.

Phải nghĩ lại xem, chúng ta ngày nay tập khí phiền não của bản thân quá nặng, nghiệp chướng quá nặng. Hoàn cảnh tu học hiện tại của chúng ta, chướng nạn này nghiêm trọng biết bao. Sau khi đã hiểu rõ tất cả, mới biết chỉ có pháp môn này, bản thân chúng ta mới chắc chắn đi đến đích, có thể thành tựu, ngoài ra bất kỳ pháp môn nào đều không chắc chắn. Đây là lời nói thật, không phải giả.

Khi tôi mới học Phật, thầy Lý giới thiệu pháp môn Tịnh độ cho tôi, tôi không thể phản đối, nhưng tôi không cam tâm tình nguyện. Tự cho rằng không tệ, không muốn học tôn giáo của các bà cụ. Tôi dùng thời gian 20 năm, mới thật sự tiếp thu, Đức Phật nói pháp khó tin, tôi đã tin. Quý vị xem, tôi học Phật suốt 20 năm mới tiếp nhận, mới tin Tịnh độ, mà còn không phải người khác khuyên, người khác khuyên, ai khuyên tôi, tôi cũng hoan hỷ, tôi cũng tán thán, nhưng không học nó. Tôi có thể tin vào pháp môn này đều nhờ Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, vì sao vậy? Vì những đại kinh này sau cùng đều trở về Tịnh độ, tôi tin từ chỗ này. Đặc biệt thấy trong Kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài Đồng Tử biểu trưng cho chúng ta. Quay đầu lại thấy chương Viên Thông thứ 25 trong Kinh Lăng Nghiêm, tôi liền thấu triệt. Trước đây giảng Kinh Lăng Nghiêm đều không hiểu, tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm rất tường tận, chương viên thông thứ 25 không đặc biệt biểu hiện về Bồ Tát Đại Thế Chí, không làm được. Vì sao vậy? Vì nhìn sai, chỉ nhìn thấy pháp môn đặc biệt là Bồ Tát Quán Thế Âm, không nhận ra Bồ Tát Đại Thế Chí cũng là pháp môn đặc biệt. Vì vị trí Bồ Tát Đại Thế Chí, thực tế mà nói là rất ẩn, không dễ nhận ra.

Chương viên thông thứ 25 là sắp theo thứ tự, Bồ Tát Quán Thế Âm đặt ở vị trí thứ hai, họ đưa ngài lui sau cùng, điều này quá rõ ràng. Vốn đặt ở vị trí thứ hai, nay lại sắp ở sau cùng. Hai vị Bồ Tát Đại Thế Chí và Bồ Tát Di Lặc, Đại Thế Chí ở trước, Bồ Tát Di Lặc ở sau. Nhưng theo thuận tự trong kinh, Bồ Tát Di Lặc ở trước, Bồ Tát Đại Thế Chí ở sau. Hai vị này thay đổi vị trí, chúng ta không dễ phát hiện.

Sau khi tôi nhìn thấy trong Kinh Hoa Nghiêm, liền nghĩ đến Bồ Tát Đại Thế Chí. Bồ Tát Đại Thế Chí là pháp môn đặc biệt trong hai mươi lăm viên thông, không phải pháp môn bình thường. Vì sao Bồ Tát Đại Thế Chí không để sau cùng? Bồ Tát Đại Thế Chí là pháp môn niệm Phật, phổ độ biến pháp giới hư không giới. Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương, có lợi ích nhất đối với chúng sanh trên địa cầu chúng ta, nên đặt ngài ở sau cùng. Hai ngài đều sắp xếp rất đặc biệt, sắp xếp đặc biệt nghĩa là pháp môn đặc biệt, ở sau Kinh Lăng Nghiêm nói về vấn đề này rất rõ ràng minh bạch. Trước đây từng giảng mấy lần Kinh Lăng Nghiêm, nhưng đều không được viên mãn, đều có sự hối tiếc. Ngàn kinh vạn luận không có bộ kinh nào không trở về Tịnh độ, chúng ta không thể không biết điều này.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 235